

Bản án số: 07/2020/HSST  
Ngày 27/11/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đoàn Trung Phước**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phan Văn Sân**; Ông **Tấn A Giao**.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Phạm Khắc Huân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Văn K**  
- Kiểm sát viên

Ngày 27/11/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 27/10/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 05/11/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 17/11/2020 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **MA A D** *Tên gọi khác:* Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1981;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản M, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Ma A S, sinh năm 1954 và bà Chang Thị S (Đã chết); Mẹ kế Vàng Thị M, sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 08 chị em; bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Sùng Thị D, sinh năm 1981 và 04 người con; Con lớn nhất sinh năm 2000; con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện Ta, tỉnh Lai Châu quản lý, theo dõi từ ngày 04/9/2020 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **CÚ A D**; *Tên gọi khác:* Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản N, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Cú A C, sinh năm 1970 và bà Lù Thị M, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 04 chị em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Hàng Thị T, sinh năm 1987 và 03 người con; con lớn nhất sinh năm 2006; con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện Ta, tỉnh Lai Châu quản lý, theo dõi từ ngày 04/9/2020 đến nay (có mặt).

3. Họ và tên: CỨ A M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1985;  
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản N, xã K, huyện T, tỉnh L; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông CỨ A N, sinh năm 1931 và bà Lù Thị M, sinh năm 1933; Gia đình bị cáo có 09 anh chị, bị cáo là con thứ chín trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lù Thị V, sinh năm 1980 và 01 người con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, giao bị cáo cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý, theo dõi từ ngày 04/9/2020 đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Mạnh H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

*Bị hại:* Anh Ma Páo S, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản M, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Ma Seo C, sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Lý A C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

3. Chị Sùng Thị D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản M, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

4. Chị Hàng Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản N, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng đầu tháng 8 năm 2020, Ma A i cùng CỨ A M và CỨ A D, trong lúc ngồi uống bia. Ma A D đã bàn bạc và cùng nhau thống nhất cùng CỨ A D và CỨ A M đi trộm cắp trâu bán lấy tiền tiêu xài. CỨ A D được phân công đi thuê xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, màu xanh, tải trọng 2,4 tấn, BKS: 25C-033.31 của anh Lý A C, sinh năm 1984 trú tại bản P, xã N, huyện T (D không nói với anh C biết việc thuê xe để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ) và C đồng ý cho thuê xe.

Khoảng 18 giờ ngày 12/8/2020 CỨ A D đến nhà CỨ A M thông báo cho biết tối nay Ma A D trực tiếp đi trộm cắp trâu và CỨ A M tối nay đến nhà mình để cùng nhau đi thuê xe ô tô. CỨ A D điều khiển xe mô tô của gia đình nhãn hiệu ESPERO, BKS: 25B1- 690.64 chở CỨ A M đến ngã ba đường rẽ vào bản M, xã K, huyện T dùng xe bảo CỨ A M xuống chờ Ma A D đi bắt trộm trâu. Các bị cáo liên lạc, trao đổi việc trộm cắp tài sản với nhau đều bằng điện thoại di động.

Đến khoảng 22 giờ 12/8/2020. Ma A D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HOIVDATHAILA BKS 25N1- 003.07 là tài sản của vợ chồng Ma A D đi từ nhà mình đến khu vực lán ruộng thuộc bản M, xã K, huyện T cất giấu xe mô tô và đi bộ đến lán

ruộng của gia đình anh Ma Páo S, sinh năm 1981 trú tại bản M, xã K, huyện T. Đến nơi Ma A D phát hiện có 03 con trâu đang bị buộc ở lán ruộng và không có người trông coi. Ma A D tiến lại gần một con trâu cái còn sống có đặc điểm, lông màu trắng, khoảng 08 tuổi ở cổ có đeo một cái chuông cùng 02 đoạn dây thừng đây là trâu của gia đình anh Ma Páo S chẵn thả ở đó. Ma A D dùng tay tháo sợi dây thừng buộc con trâu vào cọc tre và nhanh chóng dắt trâu đi theo các thửa ruộng đến vị trí ngã ba đường rẽ vào bản M, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu. Để chờ Cự A D và Cự A M đi thuê xe ô tô về để chở đi tiêu thụ.

Sau khi thuê được xe ô tô của anh Lý A C, Cự A D điều khiển xe ô tô, kèm theo 01 can dầu loại 10 lít di chuyển theo Tỉnh lộ 136 hướng từ xã N, huyện T đi về xã K, huyện T. Trên đường đi đã đón được Cự A M đang chờ ở gần ngã 3 đường rẽ vào bản M, xã K. Cự A D tiếp tục điều khiển. Đến giữa ngã 3 đường rẽ vào bản M, xã K, huyện T, Cự A D nhìn thấy Ma A D đang giữ 01 con trâu cái đang còn sống có đặc điểm như trên nên. Cự A D quay đầu xe nhưng không được nên Ma A D lên xe để quay đầu xe. Sau khi quay được đầu xe Ma A D tắt máy, tắt đèn để tránh bị phát hiện còn Cự A D trèo lên thùng xe dùng 02 đoạn dây thừng chập lại thành 1 đoạn rồi ném xuống phía sau thùng xe. Thấy vậy Cự A M cầm đoạn dây đó rồi buộc một đầu vào 02 sừng của con trâu, đầu còn lại đưa cho Cự A D. D cầm đầu dây thừng kéo trâu lên thùng xe còn Ma A D và Cự A M ở dưới đất dùng dây thừng đánh vào mông trâu để đưa trâu lên thùng xe. Sau khi trâu đã lên thùng xe Ma A D điều khiển xe mô tô của mình đi về nhà còn Cự A D và Cự A M điều khiển xe ô tô chở con trâu đã trộm cắp được đi tiêu thụ.

Khoảng 05 giờ ngày 13/8/2020, Cự A D điều khiển xe đến khu vực chợ C, thuộc xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Do quen biết nhau từ trước trên facebook, Cự A M và Ma Seo C, sinh năm 1982 trú tại thôn B, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai thỏa thuận, mua bán con trâu trên với giá 26.000.000 đồng còn Cự A D vì lái xe đường dài nên nằm nghỉ trong xe. Quá trình mua và bán trâu Ma Seo C không biết đây là tài sản do Cự A M trộm cắp mà có. Cự A D và Cự A M điều khiển xe ô tô BKS: 25C- 033.31 quay về trả xe Lý A C và D trả cho C 1.800.000 đồng tiền thuê xe. Cự A M đã chia số tiền bán trâu cho Ma A D 10.000.000 đồng Cự A D và Cự A M mỗi người được 6.350.000 đồng. Số tiền còn lại cả ba tiêu sài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T đã kết luận *“Một con trâu cái 08 tuổi lông màu trắng của anh Ma Páo S do Ma A D; Cự A D và Cự A M trộm cắp có giá trị là 25.000.000 đồng”*.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tạm giữ gồm: 01 xe mô tô, BKS: 25N1-003.07 kèm đăng ký xe mang tên Giàng A C và 01 xe mô tô BKS: 25B1-690.64 kèm theo đăng ký xe mang tên Cự A D; 03 điện thoại di động; 01 can nhựa; 04 đoạn dây thừng; 01 túi vải và số tiền 1.800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/8/2020 gia đình bị hại là Ma Páo S đã nhận đủ số tiền 63.000.000 đồng (Sáu mươi ba triệu) mà Ma A D; Cự A D và Cự A M đã chủ động bồi thường. Đồng thời bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Lý A C yêu cầu các bị cáo liên đới bồi hoàn số tiền thuê xe là 1.800.000 đồng bị thu giữ.

Cáo trạng số 19/CT - VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Ma A D, Cừ A D và Cừ A M phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp về không gian, thời gian cũng như diễn biến hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma A D, Cừ A D và Cừ A M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65/Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt Ma A D, Cừ A D và Cừ A M mỗi bị cáo 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Miễn án phí HSST cho cả ba bị cáo.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47/Bộ luật hình sự, Điều 106/Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu 03 điện thoại di động của ba bị cáo để sung vào công quỹ Nhà nước, trả lại cho chị Sùng Thị D chiếc xe mô tô BKS 25N1- 003.07 kèm theo đăng ký xe, trả lại cho chị Hàng Thị T chiếc xe mô tô BKS 25B1- 690.64 kèm theo đăng ký xe; Tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa màu trắng, dung tích 10 lít, 04 đoạn dây thừng màu trắng có kích thước, độ dài khác nhau; 01 túi đeo bằng vải màu nâu, nhãn hiệu JINGPIN, 03 phong bì thư dùng niêm phong vật chứng (tất cả đều đã qua sử dụng) vì không có giá trị sử dụng. Tịch thu số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của anh Lý A C là tiền do phạm tội mà có để sung vào công quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là những người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, cả ba bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi vụ việc bị phát hiện đã chủ động bồi thường cho bị hại số tiền vượt quá giá trị tài sản đã chiếm đoạt, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trên cơ sở đó đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 Điều 173/BLHS áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho cả ba bị cáo. Trả lại cho chị Sùng Thị D chiếc xe mô tô BKS 25N1- 003.07 kèm theo đăng ký xe, trả lại cho chị Hàng Thị T chiếc xe mô tô BKS 25B1- 690.64 kèm theo đăng ký xe;

Trong đơn xin vắng mặt bị hại Ma Páo S trình bày: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của anh là 01 con trâu cái 08 tuổi, các bị cáo đã bồi thường thỏa đáng nên không yêu cầu

các bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trong đơn xin vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ma Seo C trình bày: Khi các bị cáo Cú A D và Cú A M chở con trâu đến bán cho anh, anh không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, anh đã nhận trâu và đã thanh toán tiền mua trâu cho Cú A D và Cú A M, nay không yêu cầu gì thêm.

Anh Lý A C trình bày: Khi bị cáo Cú A D thuê xe tải của anh, anh không biết các bị cáo đã dùng xe của anh để chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Chiếc xe ô tô của anh không bị thu giữ, tuy nhiên số tiền 1.800.000 đồng Cú A D trả tiền thuê xe cho anh đã bị thu giữ, nay anh đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh số tiền bị thu giữ.

Chị Hàng Thị T trình bày: Khi Cú A D là chồng chị tự ý lấy chiếc xe mô tô BKS: 25B1- 690.64 là tài sản chung của gia đình chị đi trộm cắp tài sản, chị không biết, chiếc xe là phương tiện đi lại phục vụ sinh hoạt và làm ăn của cả gia đình, nay đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe nói trên cho chị.

Chị Sùng Thị D trình bày: Khi Ma A D là chồng chị tự ý lấy chiếc xe mô tô BKS 25N1- 003.07 là tài sản chung của gia đình chị đi trộm cắp tài sản, chị không biết, chiếc xe là phương tiện đi lại phục vụ sinh hoạt và làm ăn của cả gia đình, nay đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe nói trên cho chị.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người bào chữa, bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm:

Khoảng 22 giờ ngày 12/8/2020 tại bãi chăn thả trâu ở lán ruộng thuộc khu vực bản M, xã K, huyện T lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại Ma Páo S, các bị cáo Cú A D, Ma A D và Cú A M lén lút cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là một con trâu cái còn sống, lông màu trắng, khoảng 08 tuổi có giá trị là 25.000.000 đồng để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài.

Hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về mục đích phạm tội của bị cáo: Các bị cáo Cú A D, Ma A D và Cú A M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[5]. Về nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Cú A D, Ma A D và Cú A M đều được sinh ra trong những gia đình lao động, tuy nhiên bị cáo không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm ăn chân chính mà chỉ vì muốn có tiền để tiêu sài cá nhân, các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất trộm cắp tài sản của người khác, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật vẫn có phần còn nhiều hạn chế. Cả ba bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra đã chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra vượt quá giá trị tài sản đã chiếm đoạt. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú. Bên cạnh đó bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả ba bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52/Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc, thống nhất thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tính chất nguy hiểm cho xã

hội do hành vi trái pháp luật của các bị cáo gây ra là tương đương nhau, vì vậy trách nhiệm hình sự và hình phạt các bị cáo phải chịu là ngang nhau.

Xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cũng đã đủ để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật và góp phần vào việc ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[6]. Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HOIVDATHAILA, màu đen, BKS: 25N1-003.07, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy là tài sản chung của Ma A D và chị Sùng Thị D. Khi Ma A D tự ý lấy chiếc xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội, chị D không biết. Chiếc xe mô tô này là tài sản lớn của gia đình chị D dùng phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt và sản xuất của gia đình, tại phiên tòa chị D có đề nghị được trả lại chiếc xe, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chị D và thuận lợi cho quá trình thi hành án nên cần trả lại chiếc xe nói trên cho chị D là phù hợp.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, số loại WIN F140C, màu đen, BKS: 25B1-690.64, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 đăng ký xe là tài sản chung của Cự A D và chị Hàng Thị T. Khi Cự A D tự ý lấy chiếc xe mô tô này để thực hiện hành vi phạm tội, chị T không biết. Chiếc xe mô tô này là tài sản lớn của gia đình chị T dùng phục vụ nhu cầu đi lại, sinh hoạt và sản xuất của gia đình, tại phiên tòa chị T có đề nghị được trả lại chiếc xe, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình chị T và thuận lợi cho quá trình thi hành án nên cần trả lại chiếc xe nói trên cho chị T là phù hợp.

01 điện thoại di động nhãn hiệu ZIOX, màu đen đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Ma A D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 2020, kiểu máy CPH 1933, màu trắng, đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Cự A D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 2020, kiểu máy CPH 1933, màu đen, đã qua sử dụng kèm theo sim thu giữ của Cự A M đều là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc nhằm mục đích trộm cắp tài sản, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, bán hóa giá để sung vào công quỹ Nhà nước.

Một can nhựa màu trắng, dung tích 10 lít đã qua sử dụng thu giữ của Cự A Di; 04 đoạn dây thừng màu trắng có kích thước, độ dài khác nhau; 01 túi đeo bằng vải màu nâu, nhãn hiệu JINGPIN là những công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 03 phong bì thư dùng niêm phong vật chứng xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Số tiền 1.800.000 đồng thu giữ của anh Lý A C là tài sản các bị cáo có được do phạm tội mà có nên cần tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Ma Páo S đã được các bị cáo bồi thường thỏa đáng, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lý A C yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 1.800.000 đồng tiền thuê xe bị thu giữ, tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi

thường số tiền này cho anh C, xét thấy việc thuê xe và cho thuê xe giữa Cú A D và anh Lý A C là ngay tình, sự thỏa thuận của các bị cáo và anh C là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật HĐXX cần ghi nhận.

[8]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Cú A M khai nhận đã bán con trâu trộm cắp được cho Ma Seo C, sinh năm 1982 trú tại Thôn Bò, xã L, huyện M, tỉnh Lao Cai. Quá trình giao dịch mua bán Ma Seo C hoàn toàn không biết đây là tài sản do Cú A M và đồng phạm trộm cắp mà có. Nên hành vi của Ma Seo C không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Cú A D khai nhận đã trực tiếp thuê xe ô tô tải có BKS: 25C- 033.31 của Lý A C để làm phương tiện chở trâu đi tiêu thụ. Quá trình thuê xe ô tô, Lý A C không biết Cú A D sử dụng xe của mình làm công cụ và phương tiện phạm tội. Nên hành vi của Lý A C không đồng phạm về tội trộm cắp tài sản.

Chị Sùng Thị D là vợ bị cáo Ma A D; chị Hàng Thị T vợ bị cáo Cú A D. Việc các bị cáo sử dụng xe mô tô của gia đình làm phương tiện trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân chị Sùng Thị D và chị Hàng Thị T đều không biết nên HĐXX không xem xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Ma A D, Cú A D là những người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Cú A M thuộc diện hộ cận nghèo, tại phiên tòa các bị cáo có đề nghị được miễn án phí nên sẽ được miễn toàn bộ án phí.

***Vì các lẽ trên.***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 58, Điều 47, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/Bộ luật hình sự; Điều 288, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589/Bộ luật dân sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 246/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12/Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cú A D, Ma A D và Cú A M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt các bị cáo Cú A D, Ma A D và Cú A M mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao các bị cáo Cú A D, Ma A D và Cú A M cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92/Luật Thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả ba bị cáo

3. Về vật chứng: Trả lại cho chị Sùng Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu HOIVDATHAILA, màu đen, BKS: 25N1-003.07, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo 01



chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; Trả lại cho chị Hàng Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, số loại WIN F140C, màu đen, BKS: 25B1- 690.64, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 đăng ký xe; Tịch thu 01 can nhựa màu trắng, dung tích 10 lít, 04 đoạn dây thừng màu trắng có kích thước, độ dài khác nhau; 01 túi đeo bằng vải màu nâu, nhãn hiệu JINGPIN, 03 phong bì thư dùng niêm phong vật chứng (tất cả đều đã qua sử dụng) để tiêu hủy. Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu ZIOX, màu đen, viền điện thoại màu đỏ kèm theo sim của Ma A D; Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 2020, kiểu máy CPH 1933, màu trắng kèm sim của Cừ A D; Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A5 2020, kiểu máy CPH 1933, màu đen kèm sim của Cừ A M (cả ba điện thoại đều đã qua sử dụng) để hóa giá sung vào công quỹ Nhà nước; Tịch thu số tiền 1.800.000<sup>d</sup> (một triệu tám trăm nghìn đồng) thu giữ của anh Lý A C để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng, tài sản như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 27/10/2020 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Cừ A D, Ma A D và Cừ A M và anh Lý A C, các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Lý A C số tiền 1.800.000<sup>d</sup> (một triệu tám trăm nghìn đồng), mỗi bị cáo bồi thường 600.000<sup>d</sup> (sáu trăm nghìn đồng).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 và Điều 9, Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho cả ba bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Toà án ND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Đoàn Trung Phước**

